TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hậu
2. Ông Nguyễn Thế Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Công Chức - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trrịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1995 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cát Hải, phường Tân Hải, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Phước Lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 01 tháng 7 năm 2025 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2020, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 04/8/2020. Thời gian đầu chung sống thì bà và ông T chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là ông T thường xuyên gây ra nợ, bà đã nhiều lần trả nợ

cho ông T. Quá trình chung sống ông T không chăm lo được vợ con, một mình bà đi làm kiếm tiền về lo cho gia đình nên bà và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có một con chung là trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/7/2022. Hiện tại trẻ B đang ở cùng với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Quá trình chung sống bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Do bà đã trình bày lời khai và bận đi làm nên bà đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà, bà cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/7/2022 cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ nuôi con chung đối với ông T

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Văn T cư trú tại tổ 12 khu phố Phước Lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Bà N, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Bà N cho ông T nhưng ông T không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu N xác định bà và ông Nguyễn Văn T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, Bà N khai bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên gây ra nợ nần, bà đã nhiều lần trả nợ cho ông T, ông T không chăm lo được cho vợ con, một mình bà đi làm kiếm tiền về lo cho gia đình nên bà và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà và ông T đã ly thân từ đầu năm 2025. Từ khi sống ly thân, bà và ông T cố gắng hàn gắn nhưng ông T không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa Bà N và ông T không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N đối với ông T.

[7] Về con chung: Bà N xác nhận bà và ông T có 01 con chung là trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/7/2022. Hiện tại trẻ B đang sống cùng với Bà N. Sau khi ly hôn, Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa để thể hiện ý kiến của ông về vấn đề con chung mà vắng mặt không lý do.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con"*

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt, tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hiện tại của trẻ B, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ B cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ B, đây là sự tự nguyện của Bà N và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung. Ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa ông và Bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa Bà N với ông T trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N

Cho bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 04/8/2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/7/2022 cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0026562 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu N, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV 12 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy